

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 10/2026/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao,
Hội khỏe Phù Đổng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét Tờ trình số 251/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, Hội khỏe Phù Đổng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 143/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số

9534/UBND-KGVX ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, Hội khỏe Phù Đổng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, Hội khỏe Phù Đổng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, Hội khỏe Phù Đổng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, Hội khỏe Phù Đổng.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; tuyển sinh trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực, thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông; công tác bồi dưỡng, tập huấn đội tuyển dự thi học sinh giỏi các cấp được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Nội dung chi và mức chi tổ chức các cuộc thi, hội thi được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này. Căn cứ nguồn lực, thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp nhưng mức chi tối đa không vượt quá các mức tại Phụ lục này.

3. Nội dung chi và mức chi tổ chức, tham gia các hội thao, Hội khỏe Phù Đổng được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Các mức chi tại Điều này là mức tối đa được áp dụng cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, Hội khỏe Phù Đổng; một ngày làm việc được tính với thời gian 8 giờ/ngày làm việc bình thường theo quy định. Trường hợp một người kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, Hội khỏe Phù Đổng trong cùng một ngày làm việc thì được hưởng mức chi cao nhất.

5. Đối với các nội dung chi và mức chi chưa được quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC, Thông tư số

117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

Phụ lục I**NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
I	Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi cấp quốc gia		
1	Ban chỉ đạo cấp tỉnh		
	- Trưởng ban	Người/ngày	675
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	600
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	525
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	225
2	Hội đồng thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	525
	- Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	450
	- Ủy viên	Người/ngày	375
3	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	570
	- Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	490
	- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ (làm việc cách ly)	Người/ngày	410
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	240
4	Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	525
	- Ủy viên, Công an	Người/ngày	375
5	Ban thư ký Hội đồng thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	525
	- Các Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên	Người/ngày	375

6	Hội đồng/Ban, điểm coi thi		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	525
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Trưởng điểm thi	Người/ngày	525
	- Phó Trưởng điểm thi	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký (Hội đồng/ban coi thi, điểm thi), giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, công an bảo vệ vòng trong	Người/ngày	375
	- Trật tự viên, công an bảo vệ vòng ngoài (hoặc kiểm soát viên quân sự trong trường hợp đặc biệt), Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	225
7	Tổ chức chấm thi		
7.1	Tiền công chấm thi		
	- Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học (Định mức chấm 30 bài/ngày)	Người/ngày	525
	- Chấm bài thi trắc nghiệm, chỉ cho cán bộ thuộc tổ xử lý chấm bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	525
7.2	Ban/ Tổ làm phách		
	- Trưởng ban/ Tổ trưởng	Người/ngày	570
	- Các Phó Trưởng ban, Tổ phó	Người/ngày	490
	- Ủy viên, Thành viên, thư ký, công an bảo vệ vòng trong	Người/ngày	410
	- Nhân viên phục vụ, y tế, công an bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	240
7.3	Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, thẩm định		
	- Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	525
	- Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an vòng trong	Người/ngày	375
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế	Người/ngày	225

	- Chi cho tổ trưởng, tổ phó, trưởng môn, phó trưởng môn tổ chấm (ngoài tiền công chấm).	Người/đợt	250
	- Chi cho các cán bộ chấm phúc khảo bài thi tốt nghiệp (Định mức chấm 30 bài/ngày)	Người/ngày	525
	- Chi cho các cán bộ chấm thẩm định bài thi tốt nghiệp (Định mức chấm 30 bài/ngày)	Người/ngày	525
8	Chi tiền ăn cho những người cách ly thuộc Hội đồng/Ban in sao đề thi; Hội đồng/Ban, điểm coi thi; Hội đồng/Ban chấm thi; Hội đồng/Ban phúc khảo, thẩm định; Ban làm phách	Người/ngày	300
9	Các nhiệm vụ khác có liên quan		
9.1	Chi hỗ trợ thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi		
	- Trưởng đoàn	Người/ngày	525
	- Thành viên	Người/ngày	375
	- Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	450
9.2	Chi tiền giải khát giữa giờ, nước uống cho các thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng coi thi, chấm thi/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc cách ly	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
9.3	Chi mua, thuê, vận chuyển lắp đặt, trang trí, nguyên vật liệu, trang thiết bị, vật tư văn phòng phẩm, chi in ấn các tài liệu, băng rôn, hồ sơ thi, thẻ phục vụ công tác ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi, tập huấn các kỳ thi...		
II	Nội dung, mức chi bồi dưỡng tổ chức các kỳ thi cấp tỉnh		
1	Ban chỉ đạo cấp tỉnh		
	- Trưởng ban	Người/ngày	540
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	480
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	420
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	180
2	Hội đồng thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	420

	- Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	360
	- Ủy viên	Người/ngày	300
3	Ban/ Tổ thư ký		
	- Trưởng ban/ Tổ trưởng	Người/ngày	420
	- Các Phó Trưởng ban/ Tổ phó	Người/ngày	360
	- Ủy viên/ Thành viên	Người/ngày	300
4	Ra đề thi		
4.1	Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	+ Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	420
	+ Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	360
	+ Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300
	+ Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	180
4.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận		
	+ Thi học sinh giỏi tỉnh	Đề	800
	+ Thi tuyển sinh trung học phổ thông	Đề	720
4.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phản biện) có kèm theo đáp án, biểu điểm		
	+ Thi học sinh giỏi tỉnh	Người/ngày	800
	+ Thi tuyển sinh trung học phổ thông	Người/ngày	720
5	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm		
5.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi		
	+ Chủ trì	Người/ngày	420
	+ Các thành viên	Người/ngày	375
5.2	Tiền công soạn thảo, chuẩn hóa câu hỏi		
	+ Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	70
	+ Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	60
	+ Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	50

	+ Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	35
	+ Rà soát lựa chọn và nhập câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	10
5.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	+ Chủ trì	Người/ngày	420
	+ Các thành viên	Người/ngày	375
6	Hội đồng/Ban ra đề, in sao đề thi		
	- Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	420
	- Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360
	- Ủy viên, thư ký, công an bảo vệ vòng trong	Người/ngày	300
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ, công an bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	180
7	Hội đồng/Ban coi thi, điểm coi thi		
	- Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	420
	- Phó Chủ tịch hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360
	- Trưởng điểm thi	Người/ngày	420
	- Phó Trưởng điểm thi	Người/ngày	360
	- Ủy viên, thư ký (Hội đồng/ban coi thi, điểm thi), giám thị/cán bộ coi thi, giám thị/cán bộ giám sát, công an bảo vệ vòng trong	Người/ngày	360
	- Trật tự viên (công an, kiểm soát viên quân sự) bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	180
8	Ban/ Tổ làm phách		
	- Trưởng ban/ Tổ trưởng	Người/ngày	420
	- Các Phó Trưởng ban/ Tổ phó	Người/ngày	360
	- Ủy viên/ Thành viên, thư ký, công an bảo vệ vòng trong	Người/ngày	300
	- Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	180

9	Tổ chức chấm thi		
9.1	Tiền công chấm bài tự luận		
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (Định mức chấm 20 bài/ngày)	Người/ngày	525
	- Thi tuyển sinh trung học phổ thông (Định mức chấm 30 bài/ngày)	Người/ngày	450
9.2	Chấm bài thi trắc nghiệm, thực hành		
	- Chi cho cán bộ thuộc Tổ/Ban xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	450
9.3	Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, thẩm định		
	- Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	420
	- Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	300
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	180
	- Chi cho phụ cấp cho tổ trưởng, tổ phó tổ chấm (ngoài tiền công chấm)	Người/đợt	240
	- Chi cho cán bộ chấm phúc khảo bài thi học sinh giỏi	Người/ngày	525
	- Chi cho cán bộ chấm phúc khảo bài thi tuyển sinh trung học phổ thông	Người/ngày	420
10	Chi tiền ăn cho những người cách ly thuộc Hội đồng/Ban in sao ra đề thi; Hội đồng/Ban, điểm coi thi; Hội đồng/Ban chấm thi; Hội đồng/Ban phúc khảo, thẩm định	Người/ngày	300
III	Các nhiệm vụ khác có liên quan đến các kỳ thi		
1	Chi hỗ trợ thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi		
	- Trưởng đoàn	Người/ngày	420
	- Thành viên	Người/ngày	300
	- Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	360
2	Chi tiền giải khát giữa giờ, nước uống cho các thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức</i>	

	đồng coi thi, chấm thi/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc cách ly	<i>chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
3	Chi mua, thuê, vận chuyển lắp đặt, trang trí, nguyên vật liệu, trang thiết bị, vật tư văn phòng phẩm, chi in ấn các tài liệu, băng rôn, hồ sơ thi, thẻ phục vụ công tác ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi, tập huấn các kỳ thi...		
IV	Tiền công tập huấn các đội tuyển cấp tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia, khu vực		
1	Tiền công xây dựng đề cương chi tiết cho chương trình tập huấn	tiết (45 phút)	350/tiết
2	Tiền công cho người phụ trách lớp tập huấn bồi dưỡng (giáo viên chủ nhiệm lớp)	Người/ngày	200
3	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	tiết (45 phút)	350/tiết
4	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	tiết (45 phút)	350/tiết
5	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	tiết (45 phút)	150/tiết
6	Tiền công ra đề kiểm tra	Đề	1.000/01 đề
7	Chi tiền ăn cho học sinh trong thời gian tập trung bồi dưỡng	Học sinh/ngày	220
8	Tiền công dịch tài liệu	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
9	Tiền mua hóa chất, nguyên vật liệu, văn phòng phẩm phục vụ bồi dưỡng ...		
10	Tiền ăn ở, phương tiện đi lại, đưa đón học sinh, giáo viên		
11	Chi tiền giải khát giữa giờ, nước uống cho giáo viên và học sinh hội đồng bồi dưỡng		
V	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi Vòng 2 (khu vực) và Olympic quốc tế		
1	Chi cho công tác tập huấn đội tuyển		
	- Tiền công xây dựng đề cương chi tiết cho quá trình tập huấn, bồi dưỡng	tiết (45 phút)	550/tiết
	- Tiền công người phụ trách lớp tập huấn, bồi dưỡng (giáo viên chủ nhiệm lớp)	Người/ngày	250

	- Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	tiết (45 phút)	750/tiết
	- Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	tiết (45 phút)	750/tiết
	- Chi tiền giải khát giữa giờ, nước uống cho giáo viên và học sinh hội đồng bồi dưỡng	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
	- Chi ăn ở, phương tiện đi lại, đưa đón học sinh và giáo viên		
	- Chi thuê, mua hoá chất, nguyên vật liệu, thiết bị tập huấn (nếu có)		
2	Chi cho công tác tham dự kỳ thi		
	- Chi đồng phục cho đoàn tham dự kỳ thi	bộ/người/đợt	1.500
	- Chi ăn ở, phương tiện đi lại, đưa đón học sinh và giáo viên	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
VI	Nội dung, mức chi bồi dưỡng tổ chức các kỳ thi cấp xã, tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan. nhưng mức chi không vượt quá 70% mức chi của các nội dung tương ứng với mức chi tại Mục II Phụ lục I.</i>	
VII	Nội dung, mức chi bồi dưỡng tổ chức các kỳ thi cấp trường	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan. nhưng mức chi không vượt quá 50% mức chi của các nội dung tương ứng với mức chi tại Mục II Phụ lục I.</i>	

Phụ lục II**NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC CUỘC THI, HỘI THI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đồng)
I	Mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh		
1	Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban tổ chức, Hội đồng/Ban ra đề thi, coi thi, chấm thi và các tiểu ban	Mức chi bằng 80% mức chi bồi dưỡng tổ chức các kỳ thi cấp tỉnh.	
	- Trưởng ban/Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	375
	- Phó Trưởng ban/Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	300
	- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ vòng trong (làm việc cách ly)	Người/ngày	225
	Nhân viên các tiểu ban, trật tự viên (công an bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ)	Người/ngày	150
2	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phản biện) có kèm theo đáp án, biểu điểm	Áp dụng 80% mức chi bồi dưỡng tổ chức các kỳ thi do Sở Giáo dục và Đào tạo ra đề thi (phụ lục I, mục II.4).	
3	Mức chi tiền công cho công tác chấm thi		
3.1	Chấm bài thi, sản phẩm		
	- Định mức chấm thi thực hành (dự giờ tối đa 5 tiết/buổi)	Người/tiết	150
	- Chấm sản phẩm dự thi	Người/sản phẩm/lượt	150
	- Chấm bài kiểm tra năng lực giáo viên, bài soạn giáo án, trình bày biện pháp	Người/bài soạn	150
3.2	Mức chi tiền công cho Tổ trưởng, Tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm).	Người/đợt	240
3.3	Mức chi tiền công cho cán bộ chấm thi được mời từ các cơ quan Trung ương, các trường Đại học, viện nghiên cứu hoặc các tổ chức chuyên môn ngoài ngành Giáo dục và Đào tạo	Người/buổi	1.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đồng)
3.4	Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm...	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
4	Chi công tác tham dự các cuộc thi, hội thi cấp quốc gia và khu vực do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức		
4.1	Trang phục cho các thành viên đoàn, huấn luyện viên, vận động viên, học sinh tham dự cuộc thi, hội thi	Bộ/người/đợt	500
4.2	Chi phí cho các thành viên đoàn, huấn luyện viên, vận động viên, học sinh tham dự cuộc thi, hội thi.	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
4.3	Tiền thuốc, tiền nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm... phục vụ tham dự cuộc thi, hội thi (nếu có)		
5	Tiền công tập huấn/tập luyện các đội tuyển tham dự cuộc thi, hội thi cấp tỉnh, cấp khu vực, cấp quốc gia.	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan nhưng mức chi tối đa bằng 80% tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia (phụ lục I, mục III, IV).</i>	
II	Mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi, tiền công tập huấn/tập luyện các đội tuyển tham dự cuộc thi, hội thi cấp xã	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan nhưng mức chi tối đa không quá 80% mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.</i>	
III	Mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp trường	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan nhưng mức chi tối đa không quá 80% mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp xã.</i>	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đồng)
		đa không quá 50% mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.	
IV	Các nội dung chi khác để tổ chức các cuộc thi, hội thi		
1	Chi bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, học sinh tham gia biểu diễn văn nghệ khai mạc, bế mạc các cuộc thi, hội thi	Người/lần	200
2	Chi bồi dưỡng phóng viên báo đài tham dự, đưa tin khai mạc, bế mạc các cuộc thi, hội thi	Người/lần	300
3	Chi thuê địa điểm làm việc, cho Hội đồng và các ban phục vụ công tác tổ chức các cuộc thi, hội thi (nếu có)	Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.	
4	Chi hỗ trợ điện nước cho các đơn vị đăng cai tổ chức các cuộc thi, hội thi (nếu có)		
5	Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, trang trí, âm thanh, ánh sáng, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm, chi in ấn các tài liệu, băng rôn, cờ, giấy khen, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi, tập huấn và tham dự các cuộc thi, hội thi (nếu có)		
6	Chi công tác phí, giải khát giữa giờ cho ban tổ chức, các thành viên tham gia công tác tổ chức thi (nếu có), giáo viên trong quá trình tập huấn/tập luyện và tham dự các cuộc thi, hội thi		
7	Chi giải khát giữa giờ cho cán bộ, giáo viên, học sinh tham gia tập luyện văn nghệ phục vụ khai mạc, bế mạc các cuộc thi, hội thi		
8	Chi thuê đạo cụ, trang phục, trang điểm cho cán bộ, giáo viên, học sinh tham gia biểu diễn văn nghệ khai mạc, bế mạc các cuộc thi, hội thi		

Phụ lục III
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC, THAM GIA
CÁC HỘI THAO, HỘI KHOẺ PHÙ ĐỒNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
I	Tổ chức cấp tỉnh		
1	Mức chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ		
1.1	Trưởng ban	Người/ngày	375
1.2	Phó trưởng ban	Người/ngày	300
1.3	Thành viên các tiểu ban, giám sát, trọng tài, thư ký	Người/ngày	225
1.4	Nhân viên các tiểu ban, trật tự viên, phục vụ, y tế	Người/ngày	150
2	Mức chi cho lễ Khai mạc, Bế mạc		
2.1	Tiền bồi dưỡng luyện tập, sơ duyệt, tổng duyệt (đội võ, đội lân, đội điều hành, đội nghi thức, đội mô tô, đội rước đuốc, đội văn nghệ...). Thời gian luyện tập không quá 05 (năm) ngày	Người/ngày	160
2.2	Tiền bồi dưỡng biểu diễn chính thức (đội võ, đội lân, đội điều hành, đội nghi thức, đội mô tô, đội rước đuốc, đội văn nghệ...)	Người/ngày	200
2.3	Tiền giải khát giữa giờ đại biểu tham dự, vận động viên dự lễ (đội lân, đội điều hành, đội nghi thức, đội mô tô, đội rước đuốc, đội văn nghệ)...	Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.	
3	Các khoản chi khác		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
3.1	Chi mua, thuê, vận chuyển lắp đặt, trang trí, âm thanh, ánh sáng, gia công, sửa chữa, trang thiết bị, dụng cụ, huy chương, vật tư văn phòng phẩm, chi in ấn các tài liệu, băng rôn, cờ, giấy khen, giấy chứng nhận, thẻ vận động viên, thẻ huấn luyện viên, thẻ Ban tổ chức....	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
3.2	Chi hỗ trợ điện nước hoặc thuê mướn các địa điểm tổ chức Khai mạc, Bế mạc, thi đấu, địa điểm làm việc của các tiểu ban...		
3.3	Chi đi lại, phòng ở cho trọng tài, giám sát		
II	Tham gia các giải, hội thao, đại hội thể thao do cơ quan, ban, ngành trong tỉnh tổ chức; các giải, hội thao tổ chức cấp khu vực, toàn quốc		
1	Tập huấn các đội tuyển tham dự	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan nhưng mức chi tối đa bằng 80% tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia (Mục IV, Phụ lục I).</i>	
2	Tham gia thi đấu		
2.1	Chi phí cho lãnh đạo đoàn, các thành viên đoàn, huấn luyện viên, vận động viên tham dự thi đấu	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
2.2	Chế độ dinh dưỡng đối với các thành viên đoàn, huấn luyện viên, vận động viên (không chi trùng mức chi điểm 2.1, Mục II, Phụ lục III)	Người/ngày	150
2.3	Chi phí thiết bị, dụng cụ, thuốc y tế, xăng xe, làm hồ sơ thi đấu... phục vụ tham gia thi đấu	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp</i>	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
		<i>luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.</i>	
2.4	Trang phục cho các thành viên đoàn, huấn luyện viên, vận động viên	<i>Bộ/giải</i>	500
III	Mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức hội thao, Hội khỏe Phù Đổng, giải thể thao; các hoạt động thể thao phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch cấp xã và tham gia cấp tỉnh	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan nhưng mức chi tối đa không quá 80% mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức (Mục I, Phụ lục III), tham gia (Mục II, Phụ lục III) cấp tỉnh.</i>	
IV	Mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức hội thao, Hội khỏe Phù Đổng, giải thể thao; các hoạt động thể thao phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch cấp trường và tham gia cấp xã	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan nhưng mức chi tối đa không quá 50% mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức (Mục I, Phụ lục III), tham gia (Mục II, Phụ lục III) cấp tỉnh.</i>	
V	Mức chi các đơn vị cấp trường thành lập đoàn tham gia cấp tỉnh hội thao, Hội khỏe Phù Đổng, giải thể thao; các hoạt động phối hợp cùng các tổ chức, đoàn thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch	<i>Thủ trưởng đơn vị căn cứ khả năng cân đối kinh phí, quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan nhưng mức chi tối đa không quá 70% mức chi thực hiện nhiệm vụ tham gia (Mục II, Phụ lục III) cấp tỉnh.</i>	